

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2790/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	<b>CỬ NHÂN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH BẰNG TIẾNG ANH</b> (BACHELOR OF FINANCIAL TECHNOLOGY)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (BANKING AND FINANCE)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340201
MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	EP09
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Công nghệ Tài chính (FinTech) là lĩnh vực tài chính “mới” liên quan đến áp dụng công nghệ để cải thiện các hoạt động tài chính. Công nghệ tài chính tập trung vào hoạt động nâng cao hiệu quả hoặc tạo mới các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp trong lĩnh vực tài chính nhằm thúc đẩy trải nghiệm của khách hàng sử dụng dịch vụ tài chính, nâng cao hiệu quả vận hành của các định chế tài chính, và tạo ra các mô hình kinh doanh mới trong tài chính; từ đó hệ thống tài chính cũng như các định chế tài chính sẽ phục vụ tốt hơn nhu cầu của thị trường và sự phát triển của nền kinh tế.

Mục tiêu chung của chương trình là đào tạo ra các cử nhân Công nghệ Tài chính có nền tảng kiến thức cơ bản, kỹ năng, tư duy sáng tạo và khả năng thích nghi với những yêu cầu mới trong lĩnh vực tài chính dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển nền kinh tế số và tiến trình hội nhập kinh tế.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

*- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: đạt chuẩn đầu ra theo Thông tư 07*

### ***- Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:***

- Là các chuyên gia tài chính ngân hàng sử dụng công nghệ thông tin trong vận hành hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng, trung gian tài chính, trung gian thanh toán, các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm, các tập đoàn công nghệ, các start-ups trong lĩnh vực công nghệ tài chính;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị rủi ro và quản trị nội bộ trong ngân hàng, các trung gian tài chính và doanh nghiệp; chuyên gia phân tích và quản lý dữ liệu trong các ngân hàng, doanh nghiệp;
- Sử dụng kiến thức và kỹ năng vào hoạch định chính sách tại các bộ, ngành, cơ quan nghiên cứu liên quan đến tài chính số và kinh tế số.

### ***- Trình độ ngoại ngữ và tin học:***

Cử nhân Công nghệ Tài chính có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc tương đương (TOEIC, TOEFL), có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh để làm việc có hiệu quả và tiếp tục học tập nâng cao trình độ trong bối cảnh toàn cầu hóa, bao gồm tiếng Anh trong giao tiếp và soạn thảo các tài liệu chuyên ngành Công nghệ Tài chính.

Trình độ tin học: Áp dụng theo Chuẩn đầu ra tin học trình độ Đại học ban hành kèm theo Quyết định số: 777/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 05/6/2017 (Phụ lục 8).

Để tốt nghiệp, sinh viên chương trình Công nghệ Tài chính cần đạt được một trong các chứng chỉ tin học sau đây:

- Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification)
- Chứng chỉ tin học quốc tế ICDL (phần cơ bản)
- Chứng chỉ tin học quốc tế MOS
- Chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp

## **2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)**

### **2.1. Kiến thức:**

- Cử nhân Công nghệ Tài chính có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức liên quan đến lý thuyết, phương pháp, mô hình, công cụ trong lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng liên quan đến sự phát triển của thị trường, định chế và dịch vụ tài chính;
- Cử nhân Công nghệ Tài chính có khả năng hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức về tài chính, hoạt động ngân hàng, hoạt động đầu tư, phương pháp định lượng và ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích và ra quyết định và thực hiện các nghiệp vụ

chuyên môn tài chính ngân hàng tại các ngân hàng, trung gian tài chính, trên thị trường tài chính, trong doanh nghiệp;

- Cử nhân Công nghệ Tài chính được trang bị tri thức để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2.2. Kỹ năng:**

- Cử nhân Công nghệ Tài chính có kỹ năng áp dụng các lý thuyết, phương pháp, mô hình, công cụ định tính và định lượng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng để phân tích và ra quyết định;

- Cử nhân Công nghệ Tài chính có kỹ năng phân tích định lượng; sử dụng các phần mềm/ứng dụng toán và thống kê để xử lý, phân tích và quản lý dữ liệu tài chính; sử dụng các phần mềm/ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, trung gian tài chính, thị trường tài chính và doanh nghiệp;

- Cử nhân Công nghệ Tài chính có kỹ năng phát triển các mô hình kinh doanh và dịch vụ tài chính mang tính đổi mới sáng tạo của kinh tế số và nền kinh tế nói chung.

## **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về nghiệp vụ tài chính – ngân hàng;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô tổ - nhóm, dự án công tác.

## **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy

theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

## **7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

### **7.1. Cấu trúc kiến thức**

<b>Kiến thức</b>	<b>Khối lượng (Tín chỉ)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>49</b>	
1.1. Các học phần chung	23	
1.2. Các học phần của Trường	14	
1.3. Các học phần của ngành	12	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>81</b>	
<b><i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i></b>	<b><i>13</i></b>	
2.1.1. Các học phần của Trường	7	
2.1.2. Các học phần của ngành	6	
<b><i>2.2. Kiến thức ngành</i></b>	<b><i>22</i></b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	16	
2.2.2. Các học phần tự chọn	6	SV tự chọn
<b><i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i></b>	<b><i>36</i></b>	
2.3.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.3.2. Các học phần tự chọn	6	SV tự chọn
<b><i>2.4. Chuyên đề thực tập</i></b>	<b><i>10</i></b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>130</b>	Không kể các học phần tiếng Anh hỗ trợ, GDQP-AN và GDTC

## 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch

TT	Tên học phần		MÃ HP/BM	Số TC	Học kỳ	Ngôn ngữ giảng dạy	Ghi chú
	<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>130</b>			
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>49</b>			
<b>1.1. Các học phần bắt buộc chung</b>				<b>23</b>			
<b>1</b>	1	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism - Leninism	LLNL1105	3	6	Tiếng Việt	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	7	Tiếng Việt	
<b>3</b>	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	6	Tiếng Việt	
<b>4</b>	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	6	Tiếng Việt	
<b>5</b>	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	7	Tiếng Việt	
<b>6.1</b>	6	Tiếng Anh căn bản 1 General English 1	EP09.NNKC 1145	4	1	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>6.2</b>	7	Tiếng Anh căn bản 2 General English 2	EP09.NNKC 1146	4	2	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>6.3</b>	8	Tiếng Anh căn bản 3 General English 3	EP09.NNKC 1147	4	3	<b>Tiếng Anh</b>	
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC			Tiếng Việt	
		Giáo dục quốc phòng Military Education	GDQP			Tiếng Việt	
<b>1.2. Các học phần bắt buộc của Trường</b>				<b>14</b>			
<b>7</b>	1	Đại số Linear Algebra and its Application in Economics and Business *	EP09.TOCB 1112	2	1	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>8</b>	2	Giải tích 1 Calculus and its Application in Economics and Business *	EP09.TOCB 1111	3	2	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>9</b>	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Introduction to Statistics *	EP09.TOKT 1145	3	3	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>10</b>	4	Pháp luật đại cương Principles of Law	EP09.LUCS 1129	3	3	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>11</b>	5	Tin học đại cương Introduction to ICT	EP09.TIKT1 109	3	2	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>1.3. Các học phần bắt buộc của ngành</b>				<b>12</b>			
<b>12</b>	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics	EP09.KHMI 1101	3	1	<b>Tiếng Anh</b>	
<b>13</b>	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics	EP09.KHM A1101	3	2	<b>Tiếng Anh</b>	

14	3	Quản trị học Foundation of Management *	EP09.QTKD 1102	3	2	Tiếng Anh	
15	4	Đổi mới sáng tạo Innovation & Creativity	EP09.EBCI 1187	3	3	Tiếng Anh	
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>					<b>81</b>		
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)</b>					<b>13</b>		
16	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ Financial Market and Institutions *	EP09.NHLT 1101	4	3	Tiếng Anh	
17	2	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	EP09.KTKE 1101	3	2	Tiếng Anh	
18	3	Lập trình căn bản Computer Programming	EP09.CNTT 1186	3	3	Tiếng Anh	
19	4	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	EP09.TOKT 1101	3	4	Tiếng Anh	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>					<b>22</b>		
<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc</b>					<b>16</b>		
20	1	Thống kê ứng dụng trong tài chính Applied Statistics in Finance	EP09.TOKT 1161	2	4	Tiếng Anh	
21	2	Quản trị tài chính 1 Financial Management 1	EP09.NHTC 1122	3	3	Tiếng Anh	
22	3	Phân tích tài chính * Financial Statement Analysis	EP09.NHTC 1108	2	4	Tiếng Anh	
23	4	Quản trị tài chính 2 Financial Management 2	EP09.NHTC 1123	3	4	Tiếng Anh	
24	5	Hệ thống thông tin quản lý IS & Decision Support in Finance *	EP09.TIHT1 102	3	4	Tiếng Anh	
25	6	Quản lý & Phân tích dữ liệu căn bản Introduction to Data Management & Analytics	EP09.CNTT 1189	3	4	Tiếng Anh	
<b>2.2.2. Các học phần tự chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)</b>					<b>6</b>		
26	1	Toán rời rạc Discrete Mathematics	EP09.TOCB 1107	3	5	Tiếng Anh	
		Kiến trúc máy tính Computer Architecture	EP09.CNTT 1112	3		Tiếng Anh	
27	2	Quản trị khởi nghiệp Entrepreneurship	EP09.QTTH 1135	3	4	Tiếng Anh	
		Marketing căn bản Principles of Marketing	EP09.MKM A1104	3		Tiếng Anh	
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>					<b>36</b>		
<b>2.3.1 Các học phần bắt buộc</b>					<b>30</b>		
28	1	Đầu tư tài chính Financial Investments	EP09.NHCK 1126	3	5	Tiếng Anh	

29	2	Hệ thống thanh toán Quốc tế International Payment System	EP09.NHQT 1124	3	7	Tiếng Anh	
30	3	Quản trị tài chính quốc tế International Financial Management	EP09.NHQT 1116	3	6	Tiếng Anh	
31	4	Quản trị Ngân hàng Thương mại Commercial Bank Management	EP09.NHTM 1125	3	5	Tiếng Anh	
32	5	Căn bản về Fintech và thực thi Introduction to Financial Technology and Implementation	EP09.NHQT 1119	3	5	Tiếng Anh	
33	6	Ứng dụng phần mềm tài chính Application of Financial Software Package	EP09.CNTT 1191	3	5	Tiếng Anh	
34	7	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính Financial Big Data Analytics	EP09.TOKT 1164	3	6	Tiếng Anh	
35	8	Quản lý dữ liệu tài chính & Ứng dụng Financial Data Management and Application	EP09.CNTT 1190	3	6	Tiếng Anh	
36	9	Thương mại điện tử E-Commerce	EP09.TMQT 1125	3	6	Tiếng Anh	
37	10	Giới thiệu ngôn ngữ R Introduction to R	EP09.TOKT 1149	3	5	Tiếng Anh	
38- 40	<b>2.3.2. Các học phần tự chọn (Sinh viên chọn 3 học phần)</b>			<b>6</b>			
	1	Chuyên đề Định chế tài chính và Quản trị rủi ro Topics in Financial Institution and Risk Management	EP09.NHTM 1124	2	7	Tiếng Anh	
	2	Chuyên đề Công nghệ tài chính Topics in Financial Technology	EP09.NHQT 1120	2	7	Tiếng Anh	
	3	Chuyên đề Quản trị đầu tư danh mục Topics in Portfolio Management	EP09.NHCK 1120	2	7	Tiếng Anh	
	4	Chuyên đề Đổi mới sáng tạo trong tài chính Topics in Financial Innovation	EP09.NHQT 1121	2	7	Tiếng Anh	
41	<b>2.4. Chuyên đề thực tập (Internship Programme)</b>		EP09.NHQT 1122	<b>10</b>	8	Tiếng Anh	
<b>NHỮNG HỌC PHẦN BỔ TRỢ</b>				<b>18</b>			
1	Tiếng Anh tin học English in ICT		CNTT	3	1	Tiếng Anh	
2	Tiếng Anh kinh doanh Business English		NNKC	3	2	Tiếng Anh	
3	Tiếng Anh học thuật Academic English		TCQT	3	3	Tiếng Anh	
4	Phương pháp học tập Study Methodology		TCQT	1	1	Tiếng Việt	
5	Kỹ năng mềm Soft Skills		TCQT	2	1	Tiếng Việt	
6	Phương pháp nghiên cứu Research Methodology		TCQT	2	5	Tiếng Việt	
7	Các học phần bổ trợ chuyên môn Curriculum's Supplementary Courses		Các BM liên quan	4	1, 2	Tiếng Việt	

## **8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và GDQP-AN, GDTC: Không tính điểm. Sinh viên đạt chuẩn mới đủ điều kiện tốt nghiệp. Sinh viên được miễn kiểm tra nếu có chứng chỉ ngoại ngữ và tin học theo quy định.

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo niên chế. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Chương trình thực hiện các buổi tọa đàm, seminars, đào tạo kỹ năng, chuyên môn để phát triển năng lực, kỹ năng cho sinh viên.

**Ghi chú:** \* Các học phần có tên tiếng Anh khác với tên Tiếng Việt và các học phần được điều chỉnh theo tên của ĐH Á Châu (AU - Đài Loan) nhằm tạo điều kiện cho sinh viên sau 2 năm có thể chuyển tiếp sang AU.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN NGÂN HÀNG TÀI CHÍNH**

(đã ký)

**TS. Đặng Anh Tuấn**

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**PGS.TS. Phạm Hồng Chương**